TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 719/2024/DS-ST
Ngày: 29-10-2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tống Thị Kim Điền

2. Bà Nguyễn Hồ Thanh Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Loan - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Tú – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 663/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 591/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 687/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X

Trụ sở: Tầng 8, Văn phòng L8-01+16 Tòa nhà V, số 72 đường L, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Hà Phương – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn L, sinh năm 1983 (Giấy ủy quyền số: 474/2023/EIB.LA/UQ-GĐ ngày 18/10/2023 của Ngân hàng TMCP X; địa chỉ: Số 42 đường T, Phường 2, thành phố T, tỉnh L).

Nơi cư trú: Số 43 đường số 2, khu dân cư, Phường 5, thành phố T, tỉnh L.

2. Bị đơn: - Ông Văn Minh C, sinh năm 1987

- Bà Dương Linh V, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Số 264/34 đường L, khu phố 1, phường T, Quận B, Thành

phố Hồ Chí Minh.

(ông Nguyễn L có mặt tại phiên tòa, ông Văn Minh C và bà Dương Linh V vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/11/2023 của Ngân hàng TMCP X (sau đây viết tắt là Ngân hàng X) và quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/06/2022, ông Văn Minh C và bà Dương Linh V có ký với Ngân hàng X - Chi nhánh L Hợp đồng tín dụng số: 1503LAV220055630 và Phụ lục đính kèm hợp đồng tín dụng, để vay số tiền 1.500.000.000 đồng; mục đích vay để bổ sung vốn lưu động ngắn hạn buôn chuyến lúa gạo. Thời hạn vay; lãi suất cho vay; lãi suất quá hạn; lịch trả lãi theo từng khế ước nhận nợ.

Tài sản đảm bảo đảm cho khoản vay là Quyền sử dụng 285 m^2 đất ở tại đô thị (thuộc thửa đất số: 474; TBĐ số 04) tọa lạc tại thị trấn M, huyện M, tỉnh L (Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: BK692755; số vào sổ cấp GCN: CH00743 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh L cấp ngày 14/05/2012) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 128/2022/EIBLA/HDTC; số công chứng: 6925, quyển số: 07P/CC-SCC/HDGD/2022TP/CC-SCC/ HDGD lập ngày 28/06/2022 tại Văn phòng Công chứng Phạm Thị H, tỉnh L; đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai thị xã K, tỉnh L; quyển số: 1; số thứ tự: 237 ngày 28/06/2022.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng và Phụ lục đính kèm hợp đồng tín dụng nêu trên Ngân hàng X đã giải ngân cho ông Văn Minh C và bà Dương Linh V nhận đủ số tiền vay 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng, theo 04 khế ước nhận nợ gồm:

1. Khế ước nhận nợ số: 1503-LDS-220001694 ngày 11/07/2022, Ngân hàng X giải ngân cho ông Văn Minh C và bà Dương Linh V số tiền 200.000.000 đồng; thời hạn vay 09 tháng; lãi suất cho vay 11%/năm cố định suốt thời gian vay; lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quả hạn; phạt vi phạm do chậm trả lãi: Số tiền phạt lãi chậm trả = Số tiền lãi chậm trả x 10%/năm) x số ngày chậm trả lãi/365; lịch trả lãi hàng tháng vào ngày 20.

2. Khế ước nhận nợ số: 1503-LDS-220001742 ngày 18/07/2022, Ngân hàng X giải ngân cho ông Văn Minh C và bà Dương Linh V số tiền 300.000.000 đồng; thời hạn vay 09 tháng; lãi suất cho vay 11%/năm cố định suốt thời gian vay; lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; phạt vi phạm do chậm trả lãi: Số tiền phạt lãi chậm trả = Số tiền lãi chậm trả x 10%/năm) x số ngày chậm trả lãi/365; lịch trả lãi hàng tháng vào ngày 20.

3. Khế ước nhận nợ số: 1503-LDS-230000039 ngày 05/01/2023, Ngân

hàng X giải ngân cho ông Văn Minh C và bà Dương Linh V số tiền 250.000.000 đồng; thời hạn vay 09 tháng; lãi suất cho vay 14,5%/năm cố định suốt thời gian vay; lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; phạt vi phạm do chậm trả lãi: Số tiền phạt lãi chậm trả = Số tiền lãi chậm trả x 10%/năm) x số ngày chậm trả lãi/365; lịch trả lãi hàng tháng vào ngày 20.

4. Khế ước nhận nợ số: 1503-LDS-230000834 ngày 21/03/2023, Ngân hàng X giải ngân cho ông Văn Minh C và bà Dương Linh V số tiền 750.000.000 đồng; thời hạn vay 09 tháng; lãi suất cho vay: 14,5%/năm cố định suốt thời gian vay; lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; phạt vi phạm do chậm trả lãi: Số tiền phạt lãi chậm trả = Số tiền lãi chậm trả x 10%/năm) x số ngày chậm trả lãi/365- Lịch trả lãi: Hàng tháng vào ngày 20.

* Ngoài ra, ngày 17/08/2022, ông Văn Minh C có ký với Ngân hàng X - Chi nhánh L Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị Phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc Tế và Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế của Ngân hàng Ngân hàng X - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng). Căn cứ thu nhập của ông Văn Minh C, Ngân hàng X đã đồng ý cấp cho ông Chi thẻ tín dụng Visa Platinum, số thẻ: V31000747739 với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân; lãi suất: 2,75%/tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đối với Hợp đồng tín dụng số: 1503LAV 220055630 ngày 28/6/2022, ông Văn Minh C và bà Dương Linh V chỉ thanh toán cho Ngân hàng X được số tiền 1.000.311 đồng tiền vốn vay. Đối với Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, ông Văn Minh C đã sử dụng thẻ tín dụng Quốc Tế Visa Platinum để giao dịch với số tiền 100.202.400 đồng, đã thanh toán 24.295.419 đồng, sau đó thì ngưng không thanh toán gốc, lãi đúng theo thoả thuận trong hợp đồng. Ngân hàng X đã nhiều lần làm việc, thông báo yêu cầu trả nợ nhưng ông Văn Minh C vẫn không thanh toán nợ cho Ngân hàng X, nên ngày 28/4/2023 Ngân hàng X đã khoá thẻ tín dụng Quốc Tế Visa Platinum của ông Văn Minh C.

Tạm tính đến ngày 20/11/2023, ông Văn Minh C và bà Dương Linh V còn nợ Ngân hàng X tổng số tiền là 1.762.780.580 đồng, trong đó dư nợ của Hợp đồng tín dụng số: 1503LAV 220055630 ngày 28/6/2022 là 1.650.840.539 đồng, (gồm nợ gốc 1.498.999.689 đồng, nợ lãi trong hạn 92.821.273 đồng, lãi chậm trả lãi 59.019.577 đồng) và dư nợ thẻ Visa Platinum là 111.940.041 đồng (gồm nợ gốc 86.666.986 đồng, nợ lãi 24.068.150 đồng, phí thường niên 1.200.000 đồng).

Do ông Văn Minh C và bà Dương Linh V vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng, Phụ lục đính kèm hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ nêu trên, nên Ngân hàng X yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Văn Minh C và bà Dương Linh V phải thanh toán cho Ngân hàng X dư nợ Hợp đồng tín dụng số: 1503LAV220055630 ngày 28/6/2022 tạm tính đến ngày 20/11/2023 số tiền là 1.650.840.539 đồng (gồm nợ gốc 1.498.999.689 đồng, nợ lãi trong hạn

92.821.273 đồng, lãi chậm trả lãi 59.019.577 đồng) và yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Văn Minh C và bà Dương Linh V phải thanh toán cho Ngân hàng X dư nợ thẻ Visa Platinum là 111.935.136 đồng (gồm nợ gốc 86.666.986 đồng, nợ lãi 24.068.150 đồng, phí thường niên 1.200.000 đồng).

Ngoài ra, ông Văn Minh C và bà Dương Linh V còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh của Hợp đồng tín dụng số: 1503LAV220055630 và tiền lãi phát sinh của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Visa Platinum, tính kể từ ngày 21/11/2023 cho đến khi ông Văn Minh C và bà Dương Linh V thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Phụ lục đính kèm hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký nêu trên.

Trường hợp ông Văn Minh C và bà Dương Linh V không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng X thì Ngân hàng X có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng X. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì ông Văn Minh C và bà Dương Linh V tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng X cho đến khi trả xong nợ.

* *Bị đơn ông Văn Minh C trình bày:* Ông thống nhất với ý kiến trình bày của đại diện Ngân hàng X, ông thừa nhận vợ chồng ông và bà Dương Linh V có ký Hợp đồng tín dụng số 1503LAV220055630 với Ngân hàng X - Chi nhánh L để vay số tiền 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu); Thời hạn vay: 12 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động ngắn hạn buôn chuyến lúa gạo. Tạm tính đến ngày 20/11/2023 vợ chồng ông và bà Dương Linh V còn nợ Ngân hàng X – Chi nhánh L số tiền là 1.762.780.580 đồng (trong đó tiền gốc: 1.498.999.689 đồng, nợ lãi: 151.840.850 đồng (gồm lãi trong hạn: 92.821.273 đồng, lãi phạt chậm trả: 59.019.577 đồng) và dư nợ thẻ Visa Platinum: 111.940.041 đồng. Do kinh tế khó khăn nên vợ chồng ông không thanh toán đúng hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng. Nay theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X, ông đề nghị Ngân hàng X và Tòa án tạo điều kiện cho vợ chồng ông tất toán nợ cho Ngân hàng X cụ thể: Ngân hàng X xét miễn giảm lãi, chốt nợ cho ông được trả số tiền là 1.700.000.000 đồng trong thời hạn 02 (hai) tháng, kể từ ngày 15/5/2024 đến hết ngày 15/7/2024, ông cam kết thực hiện đúng theo đề nghị nêu trên.

* *Bị đơn bà Dương Linh V:* Vắng mặt trong suốt quá trình Toà án giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 23/5/2024, Ngân hàng X có Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung, yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Văn Minh C phải thanh toán cho Ngân hàng X dư nợ thẻ Visa Platinum tạm tính đến ngày 20/11/2023 là 105.238.696 đồng (gồm nợ gốc 86.666.986 đồng, nợ lãi 17.371.710 đồng, phí thường niên 1.200.000 đồng).

Tại phiên tòa hôm nay:

* Ông Nguyễn L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Văn Minh C và bà

Dương Linh V phải thanh toán cho Ngân hàng X tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/10/2024 là 2.070.543.064 đồng (trong đó dư nợ Hợp đồng tín dụng số: 1503LAV220055630 ngày 28/6/2022 là 1.938.349.748 đồng gồm nợ gốc 1.498.999.689 đồng, nợ lãi trong hạn 102.057.575 đồng, lãi chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn 12.343.863 đồng, lãi quá hạn 324.948.621 đồng và dư nợ thẻ tín dụng loại thẻ Visa Platinum của ông Văn Minh C là 132.193.316 đồng gồm nợ gốc 86.666.986 đồng, nợ lãi 44.326.330 đồng, phí thường niên 1.200.000 đồng). Ngoài ra, ông Văn Minh C và bà Dương Linh V còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh tính kể từ ngày 30/10/2024 cho đến khi ông Văn Minh C và bà Dương Linh V thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Phụ lục đính kèm hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký nêu trên.

Trường hợp ông Văn Minh C và bà Dương Linh V không thanh toán nợ hoặc thanh toán nợ không đầy đủ cho Ngân hàng X thì Ngân hàng X có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng X.

Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì ông Văn Minh C và bà Dương Linh V tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng X cho đến khi trả xong nợ.

* Bị đơn ông Văn Minh C và bà Dương Linh V đã được Toà án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa (lần 2) nhưng vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 85 và Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về án phí dân sự: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng X khởi kiện yêu cầu ông Văn Minh C và bà Dương Linh V phải trả các khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng, Phụ lục đính kèm hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc Tế Visa Platinum như đã nêu trên. Xét đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng, bị đơn có địa chỉ cư trú tại Quận 7, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Văn Minh C và bà Dương Linh V vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần 2. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[3.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X về việc buộc ông Văn Minh C và bà Dương Linh V phải thanh toán cho Ngân hàng X tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/10/2024 là 2.070.543.064 đồng, trong đó dư nợ Hợp đồng tín dụng số: 1503LAV220055630 ngày 28/6/2022 là 1.938.349.748 đồng (gồm nợ gốc 1.498.999.689 đồng, nợ lãi trong hạn 102.057.575 đồng, lãi chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn 12.343.863 đồng, lãi quá hạn 324.948.621 đồng); dư nợ thẻ tín dụng loại thẻ Visa Platinum của ông Văn Minh C là 132.193.316 đồng (gồm nợ gốc 86.666.986 đồng, nợ lãi 44.326.330 đồng, phí thường niên 1.200.000 đồng) và ông Văn Minh C, bà Dương Linh V còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh tính kể từ ngày 30/10/2024 cho đến khi ông Văn Minh C, bà Dương Linh V thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Phụ lục đính kèm hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1.1] Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: 1503LAV220055630 ký ngày 28/06/2022; Phụ lục đính kèm hợp đồng tín dụng; Khế ước nhận nợ số: 1503-LDS-220001694 ngày 11/07/2022; Khế ước nhận nợ số: 1503-LDS-220001742 ngày 18/07/2022; Khế ước nhận nợ số: 1503-LDS-230000039 ngày 05/01/2023 và Khế ước nhận nợ số: 1503-LDS-230000834 ngày 21/03/2023 và Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế mở thẻ ngày 17/08/2022 đã có đủ cơ sở xác định ông Văn Minh C và bà Dương Linh V có vay của Ngân

hàng X với mục đích để bổ sung vốn lưu động ngắn hạn buôn chuyến lúa gạo đã nhận đủ số tiền vay 1.500.000.000 đồng và ông Văn Minh C đã sử dụng thẻ tín dụng Visa Platinum để thực hiện các giao dịch với số tiền 100.202.400 đồng.

Về lãi suất: Tại Điều 4 của Hợp đồng tín dụng, tại mục 6 các Khế ước nhận nợ và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, các bên đã thỏa thuận về lãi suất phù hợp quy định Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

[3.1.2] Tại Biên bản hoà giải ngày 15/5/2024, ông Văn Minh C thừa nhận vợ chồng ông bà Dương Linh V có ký Hợp đồng tín dụng số 1503LAV 220055630 với Ngân hàng X - Chi nhánh L để vay số tiền 1.500.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động ngắn hạn buôn chuyến lúa gạo. Tạm tính đến ngày 20/11/2023 vợ chồng ông còn nợ Ngân hàng X số tiền là 1.762.780.580 đồng (trong đó tiền gốc: 1.498.999.689 đồng, nợ lãi trong hạn: 92.821.273 đồng, lãi phạt chậm trả: 59.019.577 đồng) và dư nợ thẻ Visa Platinum: 111.940.041 đồng.

[3.1.3] Căn cứ bảng chiết tính lãi của Ngân hàng X đối với khách hàng Văn Minh C theo các Khế ước nhận nợ số: 1503-LDS-220001694; Khế ước nhận nợ số: 1503-LDS-220001742; Khế ước nhận nợ số: 1503-LDS-230000039 và Khế ước nhận nợ số: 1503-LDS-230000834 và bảng chiết tính lãi thẻ tín dụng số thẻ: V31000747739 thì tính đến ngày 29/10/2024 ông Văn Minh C và bà Dương Linh V còn nợ Ngân hàng X tổng số tiền là 2.070.543.064 đồng, trong đó dư nợ Hợp đồng tín dụng số: 1503-LAV-220055630 ngày 28/6/2022 là 1.938.349.748 đồng (gồm nợ gốc 1.498.999.689 đồng, nợ lãi trong hạn 102.057.575 đồng, lãi chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn 12.343.863 đồng, lãi quá hạn 324.948.621 đồng); dư nợ thẻ tín dụng loại thẻ Visa Platinum là 132.193.316 đồng (gồm nợ gốc 86.666.986 đồng, nợ lãi 44.326.330 đồng, phí thường niên 1.200.000 đồng).

Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định ông Văn Minh C và bà Dương Linh V đã vay vốn của Ngân hàng X với mục đích bổ sung vốn kinh doanh và ông Văn Minh C đã sử dụng thẻ tín dụng để giao dịch, quá trình vay vốn và giao dịch thẻ tín dụng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng tín dụng; tại mục 5 các Khế ước nhận nợ và tại Điều 7 của Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế của Ngân hàng Ngân hàng X nêu trên, nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X là có căn cứ được chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu của Ngân hàng X về xử lý tài sản bảo đảm, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ thỏa thuận tại Điều 10 của Hợp đồng tín dụng; mục 6 của Phụ lục đính kèm Hợp đồng tín dụng và Điều 8 của Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất nêu trên thì yêu cầu của Ngân hàng X về xử lý tài sản bảo đảm là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 299 của Bộ luật dân sự 2015, nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X được chấp nhận toàn bộ, nên ông Văn Minh C và bà Dương Linh V phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 73.410.861 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về chi phí tố tụng: Ông Văn Minh C và bà Dương Linh V phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền là 10.000.000 (mười triệu) đồng. Do Ngân hàng X đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, nên ông C và bà V phải nộp số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để hoàn trả lại cho Ngân hàng X theo quy định tại Điều 157, Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 299, Điều 323, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng TMCP X.

1.1. Buộc ông Văn Minh C và bà Dương Linh V phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP X tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 29/10/2024 là 2.070.543.064 (hai tỷ không trăm bảy mươi triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn không trăm sáu mươi bốn) đồng, trong đó *dư nợ Hợp đồng tín dụng số: 1503LAV220055630 ngày 28/6/2022 là 1.938.349.748 đồng (gồm nợ gốc 1.498.999.689 đồng, nợ lãi trong hạn 102.057.575 đồng, lãi chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn 12.343.863 đồng, lãi quá hạn 324.948.621 đồng); dư nợ thẻ tín dụng loại thẻ Visa Platinum của ông Văn Minh C là 132.193.316 đồng (gồm nợ gốc 86.666.986 đồng, nợ lãi 44.326.330 đồng, phí thường niên 1.200.000 đồng).*

Các bên đương sự thi hành bản án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 30/10/2024 cho đến khi thi hành án xong, ông Văn Minh C và bà Dương Linh V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 1503LAV 220055630 ký ngày 28/06/2022; Phụ lục đính kèm hợp đồng tín dụng; Khế ước nhận nợ số: 1503-LDS-220001694 ngày 11/07/2022; Khế ước nhận nợ số: 1503-LDS-220001742 ngày 18/07/2022; Khế ước nhận nợ số: 1503-LDS-230000039

ngày 05/01/2023; Khế ước nhận nợ số: 1503-LDS-230000834 ngày 21/03/2023 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ký ngày 17/08/2022.

1.2. Ngay khi ông Văn Minh C và bà Dương Linh V thanh toán dứt nợ thì Ngân hàng TMCP X có nghĩa vụ giải chấp, trả lại cho ông Văn Minh C và bà Dương Linh V bản chính các giấy tờ kèm theo, theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số: 128/2022/ EIBLA/HDTC; số công chứng 6925, quyển số 07P/CC - SCC/HDGD/2022TP/CC-SCC/ HDGD lập ngày 28/06/2022 tại Phòng công chứng Phạm Thị H, tỉnh L.

1.3. Trường hợp ông Văn Minh C và bà Dương Linh V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP X, thì Ngân hàng TMCP X có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm của ông Văn Minh C và bà Dương Linh V là Quyền sử dụng 285 m^2 đất ở tại đô thị (tại thửa đất số 474; TBĐ số 04) tọa lạc tại thị trấn M, huyện M, tỉnh L (Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành BK692755; số vào sổ cấp GCN: CH00743 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh L cấp ngày 14/05/2012) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 128/2022/ EIBLA/HDTC; số công chứng 6925, quyển số 07P/CC - SCC/HDGD/ 2022 TP/CC-SCC/HDGD lập ngày 28/06/2022 tại Phòng công chứng Phạm Thị H, tỉnh L; đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã K, tỉnh L; quyển số 1, số thứ tự 237 ngày 28/06/2022 để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP X.

1.4. Nếu sau khi xử lý tài sản bảo đảm của ông Văn Minh C và bà Dương Linh V để thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP X, phần còn dư sẽ được trả lại cho ông Văn Minh C và bà Dương Linh V.

1.5. Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm của ông Văn Minh C và bà Dương Linh V vẫn không đủ để thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP X thì ông Văn Minh C và bà Dương Linh V có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng TMCP X theo Hợp đồng tín dụng, Phụ lục đính kèm hợp đồng tín dụng, các Khế ước nhận nợ và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Về án phí: Ông Văn Minh C và bà Dương Linh V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 73.410.861 (bảy mươi ba triệu bốn trăm mười ngàn tám trăm sáu mươi mốt) đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP X tiền tạm ứng án phí đã nộp là 32.441.709 (ba mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi mốt ngàn bảy trăm lẻ chín) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/ 0037712 ngày 12/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Văn Minh C và bà Dương Linh V phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 10.000.000 (mười triệu) đồng. Do Ngân hàng TMCP X đã nộp 10.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định

tại chỗ theo phiếu thu số: 12 ngày 22/01/2024 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, nên ông Văn Minh C và bà Dương Linh V phải nộp 10.000.000 (mười triệu) đồng để hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP X.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP. (Thúy Loan)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Thạnh